

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TRƯỞNG HUỖNH 79**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TRƯỞNG HUỖNH 79

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1602175129

**3. Ngày thành lập:** 06/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 43, Đường Trần Quốc Toản, Khóm Bắc Sơn, Thị Trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0903794379

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Ngoại trừ đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4633     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nhựa gia dụng. Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành). Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ). Bán buôn ổ khóa các loại. Bán buôn đồ dùng cho nhà bếp | 4649     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4659     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4669     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: tổ chức hội thảo, sự kiện, hội chợ và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230     |
| 9.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8559     |
| 10. | Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9700     |
| 11. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310     |
| 12. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7320     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7710        |
| 14. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690        |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                             | 4931        |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                | 4932        |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 18. | Bưu chính                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5310        |
| 19. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5320        |
| 20. | Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác                                                                                                                                                                                                                                     | 6022        |
| 21. | Hoạt động viễn thông không dây                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6120        |
| 22. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông: bán sim card, kích hoạt sim, dịch vụ sim card các mạng.                                                                                                                                                                | 6190(Chính) |
| 23. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                           | 7810        |
| 24. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7820        |
| 25. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                              | 7830        |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ điện thoại di động, linh kiện phụ kiện điện thoại di động và linh kiện điện tử, viễn thông. Bán lẻ máy vi tính, linh kiện phụ kiện máy vi tính và thiết bị ngoại vi. | 4741        |
| 27. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRƯƠNG THỊ HUỲNH MAI

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 16/03/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 089189004442

Ngày cấp: 18/05/2022

Nơi cấp: CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH  
VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI

Địa chỉ thường trú: Tây Thượng, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tây Thượng, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **TRƯỜNG THỊ HUỲNH MAI**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *16/03/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *089189004442*

Ngày cấp: *18/05/2022*

Nơi cấp: **CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH  
VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI**

Địa chỉ thường trú: *Tây Thượng, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tây Thượng, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh An Giang**